

Bản án số: 60/2023/HS- PT

Ngày: 27 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Mạnh Toàn

2. Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: - Ông Lý Đình Kiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2023/TLPT-HS ngày 28/3/2023 do có kháng cáo của bị cáo Vũ Duy T và bị hại Quảng Trọng Hùng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Vũ Duy T (tên gọi khác Không); Sinh ngày 18/02/1955; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Lái xe tự do; Con ông Vũ Duy V (đã chết) và bà Vũ Thị G (đã chết); có vợ là Lương Thị T1, sinh năm 1955 và có 09 con, con lớn nhất sinh năm 1974, con nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại có kháng cáo: Ông Quảng Trọng H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Quang N - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Địa chỉ: số G, đường T, tổ A, phường T, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Duy T2, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

- Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Anh Trần Văn L, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
3. Anh Bùi Ngọc Á, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
4. Anh Vũ Duy M, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
5. Anh Phạm Quốc T3, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
6. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
7. Anh Trần Hồng K, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: TDP S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
8. Anh Hoàng Anh D, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
9. Anh Phạm Văn M1, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
10. Anh Phạm Gia L1, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
11. Anh Vũ Duy T4, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Duy T có con trai là Vũ Duy T2, sinh năm: 1984, trú tại: xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2010 Thừa cho T2 thửa đất có diện tích 95 m² tại xóm Đ, xã Y, huyện Đ, thửa đất của T2 liền kề với thửa đất của ông Quảng Trọng H, sinh năm 1960, trú tại: xóm Đ, xã Y, huyện Đ để T2 xây nhà ở. Quá trình T2 xây móng nhà, ông H cho rằng T2 đã đào móng lấn sang phần đất của gia đình ông H, nên hai bên gia đình đã nhiều lần xảy ra tranh chấp vụ việc đang được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết.

Ngày 20/4/2010, T2 tiếp tục thuê thợ xây gồm ông Phạm Gia L1, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954, cùng trú tại: xóm Q, xã Y, ông Trần Văn L, sinh năm 1963, ông Vũ Văn X, sinh năm 1972, anh Hoàng Anh D, sinh năm 1982, cùng trú tại: xóm Đ, xã Y và ông Phạm Văn M1, sinh năm 1975, trú tại: xóm T, xã Y, huyện Đ tiến hành đào, xây móng trên phần đất Thừa cho T2. Trong khi nhóm thợ xây đang làm việc thì ông H ra ngăn cản không cho thợ thi công nên T2 cho thợ nghỉ. Buổi trưa ông H ra phá một phần móng nhà của T2 vừa xây tiếp giáp với lô đất của ông H. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T2 lại cho thợ ra làm tiếp, khi thợ xây đang làm thép để đổ giằng móng thì ông H cùng với em trai vợ là Bùi Ngọc D1, sinh năm 1974, trú tại: Xóm T, xã Y, huyện Đ đến ngăn cản không cho thợ xây làm. Thấy ông H tiếp tục ngăn cản, T2 đã gọi điện thoại cho T đến giải

quyết. Khi T đến thấy ông H đang cầm chiếc xẻng trên tay đứng ở vị trí móng nhà, mà lúc trước ông H cậy phá và nói: *"1/3 móng nhà của T2 đã lấn sang phần đất của ông H"*, yêu cầu T2 phải xây lùi vào 30 cm. Thấy ông H nhận đất, T đã lao vào giằng chiếc xẻng trên tay ông H (chiếc xẻng có cán xẻng bằng tre dài 1,45m, đường kính cán 04 cm, lưỡi xẻng bằng kim loại) rồi T đứng trên mô đất cao cầm phần cán xẻng dơ lên đập úp phần lưỡi xẻng nhiều nhát xuống đầu ông H, làm cán xẻng phần tiếp giáp với lưỡi xẻng bị gãy nên phần chuôi xẻng đập vào má phải ông H, ông H dùng tay túm vào cán xẻng giằng co với T (*Theo lời khai của ông H thì T đập nhát thứ nhất trúng vào đầu ông H, nhát thứ hai thì ông H giơ tay lên đỡ được, T đập nhát thứ ba thì cán xẻng gãy phần chuôi xẻng đập vào mặt ông H gây thương tích*). Trong khi T và ông H giằng co nhau cán xẻng thì Bùi Ngọc D1 chạy sang xưởng sửa chữa ô tô của anh Phạm Quốc T3, sinh năm 1979 ở liên kề lấy 01 thanh Lovia (thanh móc lớp ô tô) bằng sắt Fi 18 dài 75 cm chạy đến chỗ T và ông H đang giằng co, D1 dùng thanh Lovia vụt thẳng vào đầu bên trái T, bị D1 đánh T ngã ngửa xuống đất và kéo ông H ngã theo, đè lên người Thừa. Nhìn thấy T bị ngã nên Vũ Duy T2 và anh Phạm Văn H1, sinh năm 1968 là người cùng xóm đang đứng nói chuyện với nhau cùng chạy đến kéo ông H ra, rồi ông H1 đưa T ra Trạm y tế xã Yên Lãng sơ cứu sau đó điều trị ngoại trú. Toàn bộ nội dung diễn biến sự việc T dùng xẻng đánh ông H có anh Hoàng Anh D, ông Trần Văn Á1, sinh năm 1964, trú tại: xóm T, xã Y (là anh vợ của H), Bùi Ngọc D1, Trần Văn L trực tiếp chứng kiến.

Còn ông H sau khi bị T đánh nằm ở phía cuối móng nhà T2 nên đã được ông Á1, anh T3 và ông Trần Hồng K, sinh năm 1966, trú tại: Đ, xã H (nay là thị trấn H), huyện Đ là chủ cửa hàng xăng dầu gần đó đưa vào sân nhà anh T3 sau đó gia đình ông H đã đưa ông H đến bệnh viện A cấp cứu. Qua kết quả khám bệnh, xác định ông H bị gãy xương cung tiếp gò má phải, ông H được chuyển đến Bệnh viện R điều trị vết thương, rồi tiếp tục điều trị tại Bệnh viện A, đến ngày 20/7/2010 thì ra viện.

Ngay sau khi sự việc xảy ra Công an xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng và ghi lời khai ban đầu của người làm chứng là ông Trần Văn L.

Xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã Y, huyện Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bệnh án ngoại khoa số 4626, ngày 22/4/2010 Bệnh viện A, xác định: Bệnh nhân bị đánh đa chấn thương, trên cơ thể có nhiều vết thương, đau nhiều ở mặt, đầu; kết quả chụp cắt lớp vi tính, gãy xương cung tiếp gò má phải.

Kết quả làm việc với bác sỹ Nguyễn Anh T5 là người trực tiếp cấp cứu và điều trị cho ông H xác định dấu vết thương tích của ông H sau khi nhập viện: Bệnh nhân Quảng Trọng H trong tình trạng lơ mơ, tiếp xúc chậm, trên đầu có vết sưng nề, không rách...chẩn đoán chấn thương sọ não, sau khi chụp cắt lớp phát hiện thấy gãy cung tiếp gò má bên phải.

Tại bản giám định y pháp số 191 ngày 27/7/2010 của tổ chức giám định Y pháp tỉnh Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ thương tật toàn bộ của ông Quảng Trọng H là 32%, trong đó: xếp hạng thương tật vĩnh viễn 25%, tạm thời 07%.

Trong quá trình điều tra Vũ Duy T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo chỉ thừa nhận thấy ông H cầm xẻng trên tay, T lao vào giằng xẻng rồi hai người giằng co xẻng quyết liệt, T không dùng xẻng đánh vào đầu ông H mà T chỉ thừa nhận thương tích của H là do khi hai người giằng co xẻng, cán xẻng đập vào mặt ông H gây nên thương tích. Mặc dù T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng với các tài liệu điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người bị hại, người làm chứng là anh Trần Văn L, Hoàng Anh D, Bùi Ngọc Á, Bùi Ngọc D1 là những người trực tiếp nhìn thấy T dùng xẻng đánh ông H, như vậy đã có đủ căn cứ xác định T là người gây thương tích cho ông H.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Quảng Trọng H yêu cầu Thừa bồi thường 111.298.000 đồng đến nay bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố: Bị cáo Vũ Duy T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Bị cáo Vũ Duy T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo Vũ Duy T bồi thường cho bị hại Quảng Trọng H số tiền 48.237.000đ (Bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 21/02/2023 bị cáo Vũ Duy T kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội, đình chỉ vụ án và đề nghị xem xét hành vi phạm tội của ông Quảng Trọng H.

Ngày 27/02/2023 bị hại ông Quảng Trọng H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Xét kháng cáo của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai của những người làm chứng, lời khai của bị hại, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ khẳng định bị cáo là người đã gây thương tích cho ông Quảng Trọng H gây tổn hại 32 % sức khỏe, việc bị cáo khai thương tích của ông H là do giằng co chiếc xẻng với bị cáo sau đó bị ngã gây nên và chính ông H là người gây thương tích cho bị cáo là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, vì vậy không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo.

Đối với thương tích của bị cáo T, ngoài lời khai của bị cáo thì không còn lời khai nào khác chứng minh ông H là người gây thương tích nên không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm đối với ông H.

- Xét kháng cáo của bị hại: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng và quyết định xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo 60 tháng thử thách về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị hại không cung cấp tình tiết tăng nặng nào của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại về phần bồi thường:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ do bị hại giao nộp để quyết định việc bồi thường các khoản tiền: Tiền thuê xe đi cấp cứu, tiền viện phí, tiền thuốc, tiền mất thu nhập trong những ngày nằm viện, tiền công người phục vụ và tiền thu nhập thực tế bị giảm sút là phù hợp. Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường khoản tiền tương ứng với 15 tháng lương tối thiểu là thấp, vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, đề nghị buộc bị cáo bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần từ 20 đến 25 tháng lương cơ sở, để đảm bảo quyền lợi cho bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Duy T; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 356; điểm b khoản 2 Điều 357 chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần.

Bị cáo tranh luận: Không nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát vì bị cáo không gây thương tích cho ông H.

Bị hại tranh luận: Không nhất trí cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo không nhận tội, về bồi thường đề nghị tăng bồi thường vì đến nay bị cáo chưa bồi thường khoản tiền nào, gây rất nhiều khó khăn và thiệt hại cho bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T tranh luận:

Về tố tụng: Cơ quan điều tra có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như tạm đình chỉ điều tra không đúng căn cứ, không gửi kết luận điều tra cho luật sư bào chữa, vi phạm về thời hạn điều tra vụ án, vi phạm về thực nghiệm điều tra do thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Đại Từ cùng tham gia cùng thực nghiệm điều tra.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Còn nhiều mâu thuẫn, thời điểm bị hại H điều trị tại Bệnh viện R1, Bệnh viện V1 (chụp phim) trùng khớp về mặt thời gian trong các phim chụp.

Đối với việc đề nghị của bị cáo trích xuất vật chứng xem xét tại phiên tòa sơ thẩm không được chấp nhận.

Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị hại có nhiều mâu thuẫn, khai bất nhất, không trùng khớp nhau được thể hiện ở các bản án sơ thẩm, phúc thẩm lần một, lần hai. Lời khai của một số người làm chứng có nhiều mâu thuẫn, không khách quan, có người làm chứng là anh em của bị hại Quảng Trọng H, lời khai của anh D chưa được kiểm chứng tại phiên tòa sơ thẩm nên không có giá trị. Cơ quan điều tra chưa

chứng minh được ai gây thương tích cho ông H, thương tích không phù hợp với vật chứng thu giữ. Tài liệu trong hồ sơ không đủ căn cứ buộc tội bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi đối đáp lại những ý kiến của bị cáo, bị hại và của Luật sư, giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo và của bị hại được làm trong thời hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo Vũ Duy T khai: Buổi chiều ngày 20/4/2010 Vũ Duy T đang ở công trường khai thác đá thì Vũ Duy T2 (là con của bị cáo) gọi điện báo ông H không cho T2 tiếp tục xây móng nhà của T2. Sau đó bị cáo đi xe máy về khu vực T2 đang làm nhà thì thấy ông Quảng Trọng H đang cầm xẻng phá dỡ móng nhà phần mà thợ đã xây dựng, do bức xúc việc H tự tiện vào phần đất và phá móng nhà của T2 nên bị cáo xông vào giằng xẻng, bị cáo túm vào cán xẻng phần giáp với lưỡi xẻng bằng sắt thì ông H đẩy cán xẻng thúc vào giữa hai ống chân của bị cáo làm bị cáo chảy máu. Sau đó bị cáo và ông H có giằng co nhau chiếc xẻng, bị cáo xác định trước khi bị cáo và ông H giằng co chiếc xẻng, bị cáo và ông H không ai bị thương tích gì.

Trong quá trình giằng co nhau chiếc xẻng, chỉ có bị cáo và ông H, không có ai khác. Về thương tích của ông H theo bị cáo có thể do hai bên giằng co nhau chiếc xẻng quyết liệt nên chiếc xẻng hoặc cán xẻng đã đập vào mặt gây thương tích cho ông H hoặc khi bị cáo ngã đã kéo theo ông H ngã theo, bị cáo ngã ngửa, ông H ngã úp, đè lên người bị cáo, chiếc xẻng nằm ở giữa bị cáo và ông H nên có thể mặt ông H đã đập vào cán xẻng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại bút lục số 302 có trong hồ sơ: “thương tích của ông H là do tôi và anh H giằng co chiếc xẻng tạo nên chứ không có ai khác gây nên cho ông H”.

Lời khai của bị hại ông Quảng Trọng H trình bày tại phiên tòa: Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình nhà ông H và gia đình ông T chưa được giải quyết nên chiều ngày 20/4/2010 ông H có ra can ngăn, cậy một phần móng nhà anh T2 (con trai của ông T) và không cho thợ xây thi công, xây dựng. Khi tôi đang nói thì ông T đến, ông T cầm xẻng đánh tôi liên tiếp ba nhát, ông T dùng xẻng đập úp lưỡi xẻng từ trên xuống, đập phát thứ nhất trúng đầu, đập phát thứ hai tôi giơ tay lên đỡ được, nhát thứ ba đập thẳng vào đầu tôi, cán xẻng bị gãy. Lý do bị cáo T đập được vào đầu vì khi đó có người khác ôm tôi và đẩy tôi nên cán xẻng bị gãy, phần chuôi xẻng bị gãy đập vào má tôi gây thương tích ở gò má của tôi.

Lời khai của anh Vũ Duy T2 xác định ngày 20/4/2010 các thợ xây của gia đình anh gồm: Phạm Gia L1, Hoàng Anh D, Nguyễn Thị C, Trần Văn L có đến xây phần móng của gia đình nhà anh, buổi sáng ông H có ra ngăn cản nên thợ xây không xây nữa, buổi chiều thợ xây tiếp tục xây, ông H tiếp tục ngăn cản không cho xây và thách thức. Ông H có cạy, phá một phần móng xây dựng của gia đình nhà anh. Anh T6 có gọi điện cho bố anh là ông T về, khi ông T về đến vị trí đang xây mà ông H đã ngăn cản không cho xây thì giữa ông T và ông H cãi, chửi nhau và có giằng co nhau chiếc xẻng.

Lời khai của những người làm chứng:

Lời khai của ông Trần Văn L (BL 142-143) nhìn thấy ông T cầm xẻng đánh ông H..., lời khai của ông Phạm Văn H1 xác định rõ có được chứng kiến việc bị cáo T và ông H có giằng co nhau chiếc xẻng; ông Bùi Ngọc Á xác định được chứng kiến từ đầu sự việc xô xát giữa ông T và ông H, ông Á được chứng kiến bị cáo T dùng xẻng đập vào đầu ông H dẫn đến thương tích. Ông xác định thương tích của ông H chỉ do một mình bị cáo T gây ra;

Lời khai của anh Hoàng Anh D (bút lục 1004): "... khi hai bên đang cãi chửi nhau lúc đó thì ông H đang đứng ở vị trí móng nhà đang xây thì ông T đi đến vị trí đồng đất cầm lấy chiếc xẻng của thợ xây chúng tôi có cán bằng tre sau đó đi đến chỗ ông H, ông T đứng trên phần đất vừa đào dưới móng lên vục từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu ông H làm cán xẻng bị gãy phần vị trí sát với lưỡi xẻng làm lưỡi xẻng rơi xuống đất, sau đó tôi thấy T6 (con ông T) vào ôm ông H thì ông H và ông T cùng ngã xuống đất nằm đè lên nhau..."

Lời khai của Bùi Ngọc D1 xác định có chứng kiến sự việc bị cáo T dùng xẻng đánh ông H nên anh D1 chạy vào xưởng của anh Phạm Quốc T3 lấy thanh Lovia quay lại đánh vào đầu ông T gây thương tích.

Căn cứ lời khai của những người làm chứng, lời khai của bị hại và lời khai của chính bị cáo, có đủ căn cứ xác định: Buổi chiều ngày 20/4/2010 tại khu vực đất tranh chấp giữa gia đình Vũ Duy T và ông Quảng Trọng H thuộc xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Vũ Duy T đã thực hiện hành vi dùng chiếc xẻng (có cán bằng tre, lưỡi bằng kim loại) đập vào đầu ông H nhiều nhất, phần chuôi xẻng bị gãy đã đập vào mặt ông H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Duy T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng quy định của pháp luật, không oan nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại:

- Kháng cáo về phần hình phạt: Trong vụ án này, xuất phát từ việc bị hại H đã có hành vi phá một phần móng nhà và ngăn cản không cho thợ tiếp tục xây móng nhà cho anh T6 (con trai bị cáo) nên đã gây bức xúc cho bị cáo T và anh T6, ngay sau đó đã xảy ra cãi, chửi nhau và xô sát đánh nhau, vì vậy bị hại có phần lỗi, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng và quyết định xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo 60 tháng

thử thách về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị hại không cung cấp tình tiết tăng nặng nào của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo.

- Kháng cáo về phần bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản tiền sau: Tiền xe ô tô thực tế đưa ông H đi cấp cứu và đưa ông H từ bệnh viện về: 3.000.000đ; Tiền thuốc, viện phí theo hóa đơn: 12.005.600đ; Ngày nằm viện: 42 ngày x 200.000 đ/ngày = 8.400.000đ; Công người phục vụ: 08 ngày x 200.000 đ/ngày = 1.600.000đ; Thu nhập thực tế bị giảm sút trong 05 tháng x 5.000.000 đ/ 01 tháng = 25.000.000đ. Tổng cộng: 50.005.600 đồng là phù hợp.

Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường khoản tiền tương ứng với 15 tháng lương tối thiểu là thấp, vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, buộc bị cáo bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần tương ứng với 25 tháng lương cơ sở, để đảm bảo quyền lợi cho bị hại.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại cụ thể như sau:

- Tiền xe ô tô thực tế đưa ông H đi cấp cứu và đưa ông H từ bệnh viện về: 3.000.000đ; Tiền thuốc, viện phí theo hóa đơn: 12.005.600đ; Ngày nằm viện: 42 ngày x 200.000 đ/ngày = 8.400.000đ; C1 phục vụ: 08 ngày x 200.000 đ/ngày = 1.600.000đ; Thu nhập thực tế bị giảm sút trong 05 tháng x 5.000.000 đ/ 01 tháng = 25.000.000đ. Tổng cộng: 50.005.600 đồng;

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 25 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ = 37.250.000đ.

Tổng cộng: **87.255.600** đồng

Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi nên phải chịu 1/3 số tiền bồi thường (87.255.600: 3 = 29.085.200đ). Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền: 87.255.600 – 29.085.200đ = **58.170.400đ**.

[4]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí là không đúng nên cần sửa phần án phí của bản án sơ thẩm. Kháng cáo của bị hại được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Duy T;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Quảng Trọng H, sửa một phần

bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố bị cáo Vũ Duy T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Bị cáo Vũ Duy T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo T được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại Quảng Trọng H số tiền **58.170.400đ** (Năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Duy T không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và án phí dân sự. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- TAND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- THADS huyện Đại Từ;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn